TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 19 - 5 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Văn Bộ và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa*:* bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt

2. Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc L2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn L1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 07/10/2021, ông có cho ông Đỗ Ngọc L2 vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay là để đảo sổ ngân hàng. Trong giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là 2000 đồng/1triệu/1ngày. Thời hạn vay từ ngày 07/10/2021 đến ngày 13/10/2021, việc ông tự ghi ngày trả nợ vào giấy là do ông đã thống nhất với ông L2. Đã quá hạn trả nợ nhưng ông L2 không trả cho ông như đã thỏa thuận, ông có đòi nhiều lần nhưng ông L vẫn không trả số tiền trên cho ông. Nay ông L1 yêu cầu ông L2 phải trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng, ông L1 không yêu cầu ông L2phải trả tiền lãi.

Tại bản khai đề ngày 17/01/2022, bị đơn là ông Đỗ Ngọc L 2trình bày: Ngày 07/10/2021, ông có vay của ông L1 số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay là để

đảo sổ ngân hàng. Khi vay ông và ông L1 không ghi lãi suất vào giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Trong hợp đồng vay không ghi thời hạn trả nợ vì khi nào ông trả gốc sẽ tính lãi đến ngày đó. Nay ông L1 yêu cầu ông trả nợ số tiền gốc, không yêu cầu trả lãi ông L2 hoàn toàn đồng ý trả số nợ gốc cho ông L1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đỗ Ngọc L2 phải trả số tiền nợ gốc là 150. 000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn L1 đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Đỗ Ngọc L2 phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tạiĐiều 463; khoản 1, Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Đỗ Ngọc L2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng ông L2 không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Ông L2 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L2 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Lời khai của ông Lê Văn L1 phù hợp với lời khai của ông Đỗ Ngọc L2, phù hợp với giấy vay tiền đề ngày 07/10/2021 giữa ông Lê Văn L1 và ông Đỗ Ngọc L2, đủ cơ sở khẳng định: Ngày 07/10/2021, ông Đỗ Ngọc L2 có vay của ông Lê Văn L1 số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với 73%/1năm.Về thời hạn trả nợ, theo ông L1, thời hạn trả nợ là ngày 13/10/2021, còn theo ông L2 thời hạn trả nợ là khi ông trả cả gốc và lãi. Ông L1 cũng thừa nhận ngày trả nợ là do ông tự viết vào giấy vay tiền. Như vậy, đủ cơ sở xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Ông L1 đã nhiều lần yêu cầu ông L2 trả nợ nhưng ông L2 vẫn chưa trả. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản khai đề ngày 17/01/2022 ông L2 cũng đồng ý trả tiền nợ gốc cho ông L1. Vì vậy, buộc ông L2 phải trả nợ gốc cho ông L1 là phù hợp.

Về lãi suất: Do ông L1 không yêu cầu ông L2 phải trả lãi, nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông L1 được chấp nhận toàn bộ nên ông L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; khoản 1, Điều 466; Điều 468;Điều 469; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L1.

Buộc ông Đỗ Ngọc L2 phải trả cho ông Lê Văn L1 số tiền 150.000.000đ*(Một trăm năm mươi triệu đồng)* phát sinh từ giấy vay tiền đề ngày 07/10/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, ông L2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc L2 phải chịu 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê Văn L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2021/0004242 ngày 06/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thanh Hương